

Số: 1926/QĐ-BKHĐT

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển
nguồn ngân sách nhà nước năm 2015**

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 2375/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là các bộ, ngành, địa phương) chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2015, bao gồm cả thu hồi các khoản vốn ứng trước kế hoạch tại các phụ lục kèm theo.

Điều 2. Các bộ, ngành, địa phương triển khai:

1. Giao chi tiết và thông báo cho các đơn vị phân vốn bù lãi suất tín dụng đầu tư và tín dụng chính sách; cấp vốn điều lệ; chi bổ sung dự trữ nhà nước; Chương trình hỗ trợ huyện nghèo theo Quyết định số 293/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ theo đúng quy định tại Quyết định số 2375/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định hiện hành.

2. Thông báo danh mục và mức vốn bố trí chi tiết cho từng dự án theo quy định tại Điều 1 của Quyết định này.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh giao chi tiết danh mục và mức vốn bố trí cho các dự án có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng theo đúng đề xuất của Ủy ban nhân dân các tỉnh về phân bổ chi tiết vốn đầu tư kế hoạch năm 2015 đã gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với các chương trình sau:

- a) Tái định cư thủy điện Tuyên Quang, Hòa Bình, Sơn La;
- b) Chương trình đầu tư phát triển kinh tế - xã hội tuyến biên giới Việt - Trung (Quyết định số 120/2003/QĐ-TTg ngày 11 tháng 6 năm 2003), Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia (Quyết định số 160/2007/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2007);
- c) Chương trình hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số (Quyết định số 33/2013/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2013);
- d) Chương trình bố trí dân cư (Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2012);
- đ) Chương trình bảo vệ và phát triển rừng bền vững;
- e) Đề án phát triển kinh tế - xã hội huyện Sốp Cộp;
- g) Phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào Mông huyện Mường Lát;
- h) Chương trình hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo Quyết định 755/QĐ-TTg (Chương trình 134 kéo dài).

4. Hoàn trả các khoản vốn Thủ tướng Chính phủ quyết định ứng trước theo kết quả giải ngân đến hết thời gian quy định. Số vốn kế hoạch năm 2015 còn lại (nếu có) thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Quyết định này.

5. Thanh toán nợ xây dựng cơ bản của từng dự án tối thiểu bằng mức vốn được giao thanh toán nợ xây dựng cơ bản tại các phụ lục kèm theo.

6. Giải ngân kế hoạch vốn nước ngoài (ODA) của các chương trình, dự án theo kế hoạch được giao. Trường hợp nếu có nhu cầu bổ sung kế hoạch vốn nước ngoài (ODA) theo tiến độ triển khai thực hiện và cấp vốn của nhà tài trợ đề nghị có văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

7. Gửi báo cáo phân bổ và thông báo vốn kế hoạch năm 2015 về Bộ Kế

hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 01 năm 2015.

8. Trước ngày 15 tháng đầu của từng quý gửi báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước kế hoạch năm 2015 của quý trước theo biểu mẫu kèm theo Quyết định này về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

Điều 3. Thời gian giải ngân kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2015 theo quy định của Luật Đầu tư công đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Các bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, thủ trưởng cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc các tập đoàn kinh tế, các tổng công ty nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ (5b);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc CP;
- VP Ban Chỉ đạo TW về phòng, chống tham nhũng;
- UBTCNS, UBKT của Quốc hội;
- Đoàn đại biểu Quốc hội, HĐND, UBND, Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UB Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty;
- Các hội, đoàn thể;
- Lãnh đạo Bộ;
- Các đơn vị liên quan trong Bộ;
- Lưu: VT, Vụ TH (3 bản).





DANH MỤC PHỤ LỤC

Phụ lục kèm theo Quyết định số 1926/QĐ-BKHĐT ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

	Số lượng trang
Phụ lục I	02
Phụ lục II	07
Phụ lục III	01



Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2015

(Kèm theo Quyết định số 1926/QĐ-BKHĐT ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chương trình/ngành, lĩnh vực	Kế hoạch năm 2015		
		Tổng số	Trong nước	Nước ngoài ¹
	TỔNG SỐ	557.600	541.600	16.000
	Đầu tư theo ngành, lĩnh vực	557.600	541.600	16.000
1	Chuẩn bị đầu tư	2.100	2.100	
	- Xã hội	1.300	1.300	
	- Y tế	300	300	
	- Quản lý nhà nước	500	500	
2	Thực hiện dự án	555.500	539.500	16.000
	- Y tế	40.000	40.000	

Handwritten signature



STT	Chương trình/ngành, lĩnh vực	Kế hoạch năm 2015		
		Tổng số	Trong nước	Nước ngoài ¹
	- Khoa học công nghệ	50.000	50.000	
	- Giáo dục và đào tạo	71.000	55.000	16.000
	- Quản lý nhà nước	4.500	4.500	
	- Xã hội	390.000	390.000	

¹ Kế hoạch vốn nước ngoài thực hiện theo thực tế giải ngân

h



Phụ lục II

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC KẾ HOẠCH NĂM 2015 (PHẦN VỐN TRONG NƯỚC)

(Kèm theo Quyết định số 1926/QĐ-BKHĐT ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Đã bố trí đến hết năm 2014		Kế hoạch năm 2015 (NSTW)	
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tái cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB
					Tổng số (tái cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ									
	- Số dự án								34	
	- Số vốn				2.526.937	2.496.937	1.015.619	1.015.619	541.600	
	<i>Trong đó:</i>									
	Dự án chuẩn bị đầu tư									
	+ Số dự án								9	
	+ Số vốn				-	-	200	200	2.100	-
	Dự án hoàn thành, đã bàn giao, đi vào sử dụng									
	+ Số dự án								2	

8



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Đã bố trí đến hết năm 2014		Kế hoạch năm 2015 (NSTW)				
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11		
	+ Số vốn				443.865	443.865	398.581	398.581	6.104	-		
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2015											
	+ Số dự án								6			
	+ Số vốn				292.916	292.916	185.622	185.622	107.294	-		
	Dự án chuyển tiếp											
	+ Số dự án								11			
	+ Số vốn				1.149.298	1.149.298	431.216	431.216	306.102	-		
	Dự án khởi công mới năm 2015											
	+ Số dự án								6			
	+ Số vốn				640.858	610.858	-	-	120.000	-		
A	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ								2.100			
I	Xã hội								1.300			
1	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Thanh Hóa	Thanh Hóa					200	200	100			



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Đã bố trí đến hết năm 2014		Kế hoạch năm 2015 (NSTW)			
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11		
2	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Hà Nam	Hà Nam							200			
3	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Nam Định	Nam Định							200			
4	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Lâm Đồng (giai đoạn 2)	Lâm Đồng							200			
5	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Hưng Yên	Hưng Yên							200			
6	Trung tâm điều dưỡng thương binh Long Đất	Bà Rịa - Vũng Tàu							200			
7	Trung tâm chỉnh hình và phục hồi chức năng trẻ tàn tật Thụy An	Hà Nội							200			
II	Y tế								300			
	Bệnh viện Chỉnh hình và phục hồi chức năng Quy Nhơn	Bình Định							300			
III	Quản lý nhà nước								500			
	Trụ sở Cục Bảo trợ xã hội	Hà Nội							500			
B	THỰC HIỆN DỰ ÁN				2.526.937	2.496.937	1.015.419	1.015.419	539.500			

4



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Đã bố trí đến hết năm 2014		Kế hoạch năm 2015 (NSTW)				
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11		
1	Xã hội				1.310.182	1.310.182	378.255	378.255	390.000			
(1)	Danh mục dự án dự kiến hoàn thành năm 2015											
1	Cải tạo, nâng cấp cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng thương binh nặng và người có công Thanh Hóa	Thanh Hóa	2013-2015	1262 17/8/2012	61.116	61.116	27.500	27.500	33.616			
2	Trung tâm điều dưỡng người có công Hải Phòng - giai đoạn 2	Hải Phòng	2012-2015	1185 23/9/2011	54.405	54.405	49.392	49.392	5.013			
3	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Yên Bái	Yên Bái	2012-2015	819 2/7/2010	54.214	54.214	34.750	34.750	19.464			
4	Trung tâm điều dưỡng thương binh Thuận Thành -giai đoạn 2	Bắc Ninh	2013-2015	1461 19/10/2012	35.942	35.942	27.218	27.218	8.724			
5	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang liệt sỹ huyện Ba Tư, Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	2013-2015	1116 27/8/2012	30.347	30.347	21.120	21.120	9.227			
(2)	Danh mục dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2015											
1	Đền tưởng niệm liệt sỹ tỉnh Thái Bình	Thái Bình	2013-2016	1014 9/8/2012	51.006	51.006	20.500	20.500	21.000			
2	Trung tâm điều dưỡng người có công khu vực miền Trung	Đà Nẵng	2013-2017	1373 4/10/2012	236.682	236.682	72.200	72.200	80.000			
3	Nghĩa trang liệt sỹ quốc tế Quảng Bình	Quảng Bình	2013-2016	1118 27/8/2012	72.760	72.760	22.500	22.500	21.956			



TT		Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Đã bố trí đến hết năm 2014		Kế hoạch năm 2015 (NSTW)			
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ XD/CB
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11		
4	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Bắc Giang	Bắc Giang	2013-2016	1499 24/10/2012	89.259	89.259	34.774	34.774	29.000			
5	Trung tâm điều dưỡng người có công Lạng Sơn	Lạng Sơn	2013-2016	1469 22/10/2012	69.027	69.027	23.901	23.901	21.000			
6	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Khánh Hòa (giai đoạn 2)	Khánh Hòa	2014-2017	1616 21/10/2013	88.832	88.832	14.100	14.100	23.000			
7	Trung tâm Chính hình, phục hồi chức năng Cần Thơ	Cần Thơ	2014-2017	1631 22/10/2013	93.452	93.452	9.900	9.900	23.000			
8	Trung tâm điều dưỡng người có công Quảng Trị	Quảng Trị	2014-2017	1632 22/10/2013	62.613	62.613	13.200	13.200	20.000			
9	Trung tâm điều dưỡng người có công Quảng Ninh (giai đoạn 2)	Quảng Ninh	2014-2016	1615 21/10/2013	43.740	43.740	7.200	7.200	20.000			
(3)	Danh mục dự án khởi công mới năm 2015											
1	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Ninh Bình	Ninh Bình	2015-2018	1410 24/10/2014	80.560	80.560			17.000			
2	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Đắk Lắk	Đắk Lắk	2015-2018	1411 24/10/2014	68.306	68.306			14.000			
3	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Cao Bằng	Cao Bằng	2015-2018	1447 30/10/2014	69.750	69.750			14.000			
4	Trung tâm điều dưỡng người có công Thừa Thiên Huế	Thừa Thiên Huế	2015-2017	1413 24/10/2014	48.171	48.171			10.000			

4



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Đã bố trí đến hết năm 2014		Kế hoạch năm 2015 (NSTW)			
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11		
II	Y tế				249.077	219.077				40.000		
	Danh mục dự án khởi công mới năm 2015											
	Bệnh viện Chính hình và phục hồi chức năng TP Hồ Chí Minh	TP Hồ Chí Minh	2015-2019	1448 30/10/2014	249.077	219.077				40.000		
III	Giáo dục và Đào tạo				459.924	459.924	337.309	337.309		55.000		
(1)	Danh mục dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2014											
	Trường Cao đẳng nghề tiếp cận trình độ khu vực Đông Nam Á (giai đoạn 1)	Hà Nội	2004-2010	1235, 23/10/2003; 1459, 30/10/2008	183.865	183.865	143.157	143.157	1.604			
(2)	Danh mục dự án dự kiến hoàn thành năm 2015											
	Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Nam Định (giai đoạn 1)	Nam Định	2012-2015	400 22/03/2010	56.892	56.892	25.642	25.642	31.250			
(3)	Danh mục dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2015											
	Trường Sư phạm kỹ thuật Vĩnh Long	Vĩnh Long	2010-2016	937 6/8/2010	219.167	219.167	168.510	168.510	22.146			



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Đã bố trí đến hết năm 2014		Kế hoạch năm 2015 (NSTW)				
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ XDCB
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11		
IV	Quản lý nhà nước				260.000	260.000	255.424	255.424	4.500			
	Danh mục dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2014											
	Nhà làm việc liên cơ cho các đơn vị thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Hà Nội	2010-2014	701 07/6/2010	260.000	260.000	255.424	255.424	4.500			
V	Khoa học công nghệ				247.754	247.754	44.431	44.431	50.000			
(1)	Danh mục dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2015											
	Nhà nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ TP Hồ Chí Minh (giai đoạn 1)	TP Hồ Chí Minh	2013-2017	1379 05/10/2012	122.760	122.760	44.431	44.431	25.000			
(2)	Danh mục dự án khởi công mới năm 2015											
	Nhà nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ Trường Đại học sư phạm kỹ thuật Vinh	Nghệ An	2015-2018	1412 24/10/2014	124.994	124.994			25.000			

✍



Phụ lục III

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TƯ YỂN ODA (VAY, VIỆN TRỢ) KẾ HOẠCH NĂM 2015

Phụ lục kèm theo Quyết định số 1926/QĐ-BKHĐT ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Quốc gia đầu tư

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Dự án	Thời gian KC-HT	Số quyết định	Trong đó						Đã bỏ từ đầu hết năm 2014					Kế hoạch năm 2015					
				Vốn đối ứng (vốn trong nước)		Vốn nước ngoài (theo tỷ lệ định)		Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng			Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (tính theo tỷ lệ theo tín Vay) ¹				
				Tổng số	NSTW	NSDP và các nguồn vốn khác	Tính bằng ngoại tệ		Quy đổi ra tiền Việt	Tổng số	NSTW và TPCP		NSDP và các nguồn vốn khác	Vốn nước ngoài (tính theo tín Vay)	Tổng số		Trong đó			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
	TỔNG SỐ																			
	- Số dự án															1				
	- Số vốn			81.384	40.884	40.884		1,5 triệu EUR	40.500	9.000	9.000	9.000			31.000	15.000		15.000	16.000	
	<i>Trong đó:</i>																			
	Dự án chuyển tiếp																			
	+ Số dự án															1				
	+ Số vốn			81.384	40.884	40.884		1,5 triệu EUR	40.500	9.000	9.000	9.000			31.000	15.000		15.000	16.000	
1	Giáo dục và đào tạo			81.384	40.884	40.884		1,5 triệu EUR	40.500	9.000	9.000	9.000			31.000	15.000			15.000	
(1)	Danh mục dự án chuyển tiếp, hoàn thành năm 2015																			
(1)	Dự án thành phần 5 thuộc Dự án "Đầu tư phát triển các trường dạy nghề chất lượng cao" sử dụng ODA của Chính phủ Pháp	2014-2017	775/20/5/2013	81.384	40.884	40.884		1,5 triệu EUR	40.500	9.000	9.000	9.000			31.000	15.000		15.000	16.000	

Ghi chú: ¹ Kế hoạch vốn nước ngoài thực hiện theo thực tế giải ngân

BIỂU MẪU BÁO CÁO ÁP DỤNG CHO CÁC BỘ, NGÀNH, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG
(Biểu mẫu kèm theo Quyết định số 1926/QĐ-BKHĐT ngày 29/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Biểu mẫu số I*(Áp dụng cho các bộ, ngành, cơ quan Trung ương)***Bộ, ngành ...****TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TỪ NSNN NĂM 2015***(Biểu mẫu kèm theo Quyết định số 1926/QĐ-BKHĐT ngày 29/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)**Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Chương trình/ngành, lĩnh vực	Kế hoạch năm 2015			Khối lượng thực hiện Kế hoạch năm 2015 tính từ 01/01/2015 đến tháng cuối quý trước			Giải ngân Kế hoạch năm 2015 tính từ 01/01/2015 đến tháng cuối quý trước		
		Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ VỐN									
I	Đầu tư theo ngành, lĩnh vực									
1	Chuẩn bị đầu tư									
2	Thực hiện dự án									

STT	Chương trình/ngành, lĩnh vực	Kế hoạch năm 2015			Khối lượng thực hiện Kế hoạch năm 2015 tính từ 01/01/2015 đến tháng cuối quý trước			Giải ngân Kế hoạch năm 2015 tính từ 01/01/2015 đến tháng cuối quý trước		
		Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài	Tổng số	Trong nước	Nước ngoài
II	Đầu tư theo các mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể									
III	Bù lãi suất tín dụng đầu tư									
IV	Bù lãi suất tín dụng chính sách xã hội									
V	Chi bổ sung dự trữ nhà nước									
VI	Cấp vốn điều lệ									

Biểu mẫu số II

(Áp dụng cho các bộ, ngành, cơ quan Trung ương)

Bộ, ngành

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ VỐN NSNN KẾ HOẠCH NĂM 2015
(PHẦN VỐN TRONG NƯỚC)**

(Biểu mẫu kèm theo Quyết định số 1926/QĐ-BKHĐT ngày 29/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2015 (vốn NSNN)			Khối lượng thực hiện Kế hoạch năm 2015 tính từ 01/01/2015 đến tháng cuối quý trước (vốn NSNN)	Giải ngân Kế hoạch năm 2015 tính từ 01/01/2015 đến tháng cuối quý trước (vốn NSNN)			Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản			Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ												
	A CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ												
	I Ngành, Lĩnh vực.....												
	(1) Dự án												
												
	II Ngành, Lĩnh vực.....												
	(1) Dự án												
												
	B THỰC HIỆN DỰ ÁN												

TT	Danh mục công trình, dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư							KH năm 2015						Khối lượng thực hiện kế hoạch 2015 tính từ 01/01/2015 đến tháng cuối quý trước			Giải ngân kế hoạch 2015 tính từ 01/01/2015 đến tháng cuối quý trước				
			Số quyết định	TMBĐT						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Vốn đối ứng			Vốn đối ứng				
				Trong đó:							Vốn đối ứng		Thu hồi các khoản ứng trước	Vốn đối ứng		Vốn đối ứng			Vốn đối ứng		Trong đó, thu hồi các khoản ứng trước		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Vốn đối ứng (vốn trong nước)		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			Tổng số	Trong đó: NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	Vốn đối ứng từ NSTW	Vốn nước ngoài	Tổng số vốn đối ứng	Trong đó: NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	Tổng số vốn đối ứng	Trong đó: NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	Vốn đối ứng từ NSTW
Tổng số	NSTW	NSDP và các nguồn vốn khác	Tính bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số vốn đối ứng	Trong đó: NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	Tổng số vốn đối ứng			Trong đó: NSTW										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
(I) Dự án ...																							
4	Các dự án khởi công mới năm 2015																						
(I) Dự án ...																							
5	Các dự án giảm hoàn tiến độ thi công và chuyển đổi hình thức đầu tư																						
(I) Dự án ...																							
II	Ngành, Lĩnh vực.....																						
---	PHÂN LOẠI NHƯ TRÊN																						

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2015 (vốn NSNN)			Khối lượng thực hiện Kế hoạch năm 2015 tính từ 01/01/2015 đến tháng cuối quý trước (vốn NSNN)	Giải ngân Kế hoạch năm 2015 tính từ 01/01/2015 đến tháng cuối quý trước (vốn NSNN)			Ghi chú	
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSNN		Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản			Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
5	Các dự án giảm hoàn tiến độ thi công và chuyển đổi hình thức đầu tư													
(1)	Dự án ...													
													
II	Ngành, Lĩnh vực													
	PHÂN LOẠI NHƯ I, B													
C	ĐẦU TƯ THEO MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỤ THỂ													
I	Chương trình													
...	PHÂN LOẠI NHƯ B													